TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Ông Nguyễn Văn Xô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên toà: Ông Tăng Bá Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A1, sinh năm 1978.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư HT, phường HS, thị xã K, tỉnh H.

Trú tại: Khu dân cư PH, phường TH, thị xã K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thắng B1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu dân cư HT, phường HS, thị xã K, tỉnh H.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Lê Thị A1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thắng B1, sinh năm 1977 vào ngày 12/9/1998 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HS, thị xã K. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh B1 chung sống. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B1 thường xuyên chơi bời, rượu chè, karaoke, gái gú... Chị và gia đình nhà chồng đã nhiều lần khuyên

bảo, phân tích để anh B1 thay đổi, tập trung làm ăn kinh tế để lo cho con nhưng anh B1 không thay đổi. Thu nhập lương anh B1 giữ để ăn chơi, không lo cho cuộc sống gia đình, vợ con; mỗi lần chị khuyên can, nhắc nhở thì anh B1 đánh chửi chị thậm tệ. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, trầm trọng nên cuối năm 2021 chị đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa. Sau khi được Tòa án động viên, hòa giải, chị nghĩ thương con gái nhỏ nên đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng với hi vọng anh B1 sẽ thay đổi. Sau khi chị rút đơn về đoàn tụ, anh B1 không thay đổi, vẫn chứng nào tật đấy, vẫn thường xuyên đánh chửi chị, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan hệ gì với nhau từ tháng 5/2022. Đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là ngày 02/7/2023, khi chị đi sửa xe, anh B1 ở nhà đốt tủ quần áo cá nhân và tiền bạc, giấy tờ của chị và các con ở trong tủ. Chị xin đưa ra tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án chụp ảnh lại lưu trong hồ sơ để làm bằng chứng. Sau khi anh B1 đốt quần áo, giấy tờ, tiền bạc và đe dọa đánh, chị đã về nhà em trai ở khu dân cư PH, phường TH, thị xã K, tỉnh H ở nhờ và sống ly thân với anh B1 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B1.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con là Nguyễn Thắng Trường, sinh ngày 17/7/1999 và Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 12/4/2017. Hiện con Nguyễn Thắng Trường đã trưởng thành và đi xuất khẩu lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn vì cháu Phương Thảo là con gái, đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Bên cạnh đó, anh B1 có lối sống lệch lạc, thường xuyên rượu chè, karaoke, trai gái, có những hành vi không chuẩn mực nên dễ ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh cho con. Do đó, chị có nguyện vọng được nuôi con Phương Thảo và tự nguyện không yêu cầu anh B1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty Hòa Phát, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2023, bị đơn-anh Nguyễn Thắng B1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị A1 trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Sự việc mâu thuẫn căng thẳng nên chị A1 đã về gia đình em trai ở khu dân cư PH, phường TH sống ly thân với anh từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị A1 muốn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị A1 cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị A1 trình bày. Hiện con Nguyễn Thắng Trường đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp vợ chông ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn thị Phương Thảo và tự nguyện không yêu cầu chị A1 phải cấp

dưỡng tiền nuôi con. Anh hiện đang làm công nhân tại Công ty Hòa Phát với thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Ngoài ra, anh còn làm thêm công việc lái máy , mức thu nhập bình quân từ 4-5.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 11/8/2023, UBND phường HS cung cấp*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A1 và anh Nguyễn Thắng B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HS vào ngày 12/9/1998. Sau khi kết hôn chị A1 về gia đình anh B1 chung sống tại khu dân cư HT, phường HS, thị xã K. Qua nắm bắt tình hình tại khu dân cư thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B1 có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và xảy ra xô xát, có sự việc anh B1 đốt quần áo, giấy tờ tùy thân của chị A1 và các con. Hiện chị A1 đang về phía gia đình bên ngoại sống ly thân với anh B1. Địa phương xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Quan hệ về con chung: Chị A1 và anh B1 có 02 con là Nguyễn Thắng Trường, sinh ngày 17/7/1999 và Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 12/4/2017. Chị A1, anh B1 đều làm công nhân tại Công ty Hòa Phát, có thu nhập ổn định và đều có điều kiện nuôi dưỡng con. Trường hợp anh chị ly hôn, căn cứ vào giới tính, độ tuổi của con, nguyên nhân dẫn đến mâu của vợ chồng, trên cơ sở xem xét sự phát triển lành mạnh của con, UBND phường HS đề nghị Tòa án giao cháu Thảo cho chị A1 trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Trường đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên địa phương không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Phương Thảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A1 ly hôn anh B1; về con chung: Giao cho chị Lê Thị A1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 12/4/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A1 về việc không yêu cầu anh B1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Chị Lê Thị A1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Nguyễn Thắng B1 có địa chỉ: Khu dân cư HT, phường HS, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị A1 kết hôn với anh Nguyễn Thắng B1 vào ngày 12/9/1998 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HS, thị xã K, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A1 về gia đình anh B1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B1 có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh; có hành vi đánh, chửi chị A1, đốt tủ quần áo cá nhân, tiền bạc, giấy tờ của chị A1 và các con. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị A1, anh B1 đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị A1, anh B1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị A1 được ly hôn anh B1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị A1, anh B1 có 02 con là Nguyễn Thắng Trường, sinh ngày 17/7/1999 và Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 12/4/2017. Nay ly hôn chị A1, anh B1 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Phương Thảo; đối với con Nguyễn Thắng Trường đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị A1, anh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét điều kiện nuôi con của chị A1, anh B1 thì thấy: Chị A1, anh B1 đều làm công nhân ở Công ty Hòa Phát, có thu nhập ổn định, có tài sản là nhà đất chung tại khu dân cư Lưu Thượng 2, phường HS nên đều có điều kiện nuôi con. Căn cứ vào giới tính, độ tuổi của con; lối sống của anh B1 và nguyên nhân dẫn đến mâu của vợ chồng; trên cơ sở xem xét sự phát triển lành mạnh của con và ý kiến của Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND phường HS, Hội đồng xét xử thấy cần giao con Nguyễn Thị Phương Thảo cho chị A1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A1 về việc không yêu cầu anh B1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A1. Xử cho chị Lê Thị A1 ly hôn anh Nguyễn Thắng B1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị A1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 12/4/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị A1 về việc không yêu cầu anh Nguyễn Thắng B1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Thắng B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị A1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo Biên lai số AA/2021/0004589 ngày 07/7/2023. Chị Lê Thị A1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/8/2023./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường HS (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn